TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày: 14-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Trung.

Ông Trương Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 291/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HS ngày 03/02/2025 đối với bị cáo:

Vũ Ngọc T, sinh năm 1992, tại tỉnh Nam Định, CCCD: 077092007332; Nơi ĐKHKTT: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L và bà Đặng Thị Y; Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2023 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1984; địa chỉ: Số B đường N, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Vũ Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Cáp Đức H1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A đường B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Ông Lê Văn T1, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Số F, Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bà Lưu Thị T2, sinh năm 1979 địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Ngọc T là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Do cần xe để đi chở hàng nên ngày 09/5/2017, tại nhà của ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1984, địa chỉ tại số B, đường N, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, T và ông X ký Hợp đồng thuê xe tự lái số 0905/HĐKT, theo đó ông X cho T3 thuê 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Thaco, màu xanh, tải trọng 2.300 kg, biển số 61C-226.63, số khung 25B4CC072351, số máy 93ZLQ1A07799, thời gian thuê từ 07 giờ 45 phút ngày 09/5/2017 đến 07 giờ 45 phút ngày 09/11/2017, tiền thuê xe T phải trả cho ông X hàng tháng là 10.000.000₫ (mười triệu đồng). Sau khi thuê được xe ô tô trên, T không trả tiền thuê xe cho ông X được tháng nào và đến tháng 7/2017, T đã tự ý đi cầm chiếc xe trên cho Vũ Văn H, sinh năm 1975, thường trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa được số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) (khi cầm xe hai bên có viết giấy nhưng hiện đã bị thất lạc nên không thể giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra). Sau đó, T tiêu xài hết số tiên này và bỏ trốn. Đối với ông Nguyễn Văn X, do không liên lạc được với T nên ngày 02/02/2022, ông X làm đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để yêu cầu xử lý T về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 143/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe ô tô tải (bị chiếm đoạt tại thời điểm năm 2017) nhãn hiệu Thaco, màu xanh, tải trọng 2.300 kg, biển số 61C-226.63, số khung 25B4CC072351, số máy 93ZLQ1A07799 có trị giá là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Căn cứ Kết luận giám định số 689/KL-KTHS (SKSM) ngày 05/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco, màu xanh dương, tải trọng 2.300 kg, biển số 61C-226.63 có số khung 25B4CC072351 và số máy 93ZLQ1A07799 không đổi, không phát hiện bị cắt, hàn, đục sửa.

Đối với 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Thaco, màu xanh, tải trọng 2.300 kg, biển số 61C-226.63, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T xác định được ông Cáp Đức H1, sinh năm 1973, cư trú tại số A, đường B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đang sử dụng. Vào năm 2019, ông H1 và ông Lê Văn T1, sinh năm 1976, cư trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa cùng nhau mua chiếc xe trên từ bà Lưu Thị T2, sinh năm 1979, thường trú tại thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (là vợ của Vũ Văn H) với giá 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) (việc mua bản không làm giấy tờ và thời điểm này H đang đi chấp hành án phạt tù nên không biết việc mua bán này). Qua làm việc, ông H1 và ông T1 tự nguyện giao nộp chiếc xe trên để phục vụ điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu M đã tạm giữ chiếc xe trên, đến ngày 25/5/2023 ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 100/QĐ-CSĐT-ĐTTH để giao trả cho ông Nguyễn Ngọc X1. Hiện ông Cáp Đức H1 và ông Lê Văn T1 không có yêu cầu gì, còn Vũ Văn H không yêu cầu gì liên quan đến vụ án này mà chỉ yêu cầu bị cáo trả số tiền đã vay ông H trước đó.

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông X1 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ông X1 đã nhận đủ số tiền này, tự nguyện có

Đơn bãi nại, xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho T1 và hiện không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 271/CT-VKSTDM ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố Vũ Ngọc T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 05 năm tù đến 6 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 09/5/2017, tại nhà số B, đường N, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, sau khi bị cáo Vũ Ngọc T thuê được xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Thaco, màu xanh, biển số 610-226.63, trị giá 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) của bị hại Nguyễn Ngọc X1, đến tháng 7/2017 bị cáo T đã đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo

ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại tự nguyện có đơn bãi nại và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Căn cứ tính chất mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo thực hiện cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H yêu cầu bị cáo trả số tiền đã vay thì do không liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: không có.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Không có.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng